TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN E **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/HS-ST
Ngày: 06 – 4 – 2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN E - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Thái Thục Hiền.

2/ Bà Đặng Thị Huê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Khá - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 39/2020/TLST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2020/QĐXXST-HS, ngày 24/3/2020 đối với các bị cáo:

1/ Trịnh Văn T, sinh năm: 1991 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: (Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Không có; chỗ ở: Phòng trọ không số, nhà số 396/15/2 Đường D, Phường O, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Mù chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông (không rõ) và bà Trịnh Thị Ng; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 26/12/2019. (Có mặt).

2/ Trần Tấn H, sinh năm: 1994 tại HG; nơi cư trú: (Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 7, xã TH, huyện LM, tỉnh HG; chỗ ở: A5/39, Ấp 1, xã QĐ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Tấn H1 © và bà Lê Thị B; có vợ và 01 con; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 26/12/2019. (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm: 1974; nơi cư trú: Số B2/51 ấp 2, xã ĐP, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 15 phút, ngày 21/12/2019; tổ công tác của Công an Phường O, Quận E kiểm tra hành chính phòng trọ không số, nhà số 396/15/2 Đường D, Phường O, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh do Trịnh Văn T là người quản lý. Qua kiểm tra, lực lượng Công an phát hiện 01 gói ny lon chứa chất bột màu trắng để ngoài mái tôn ngay cửa sổ phòng ngủ của T (T khai là ma túy mới mua về đang cùng Trần Tấn H sử dụng), nên bị Công an phường thu giữ ma túy. Trong lúc kiểm tra, Trần Tấn H cũng có mặt tại đây; nên tổ công tác đưa T, H cùng vật chứng về trụ sở Công an phường làm việc. Ngoài ra, tổ công tác Công an phường còn tạm giữ của H 01 điện thoại di động Iphone (không gắn sim), 01 điện thoại di động hiệu SamSung, 01 xe mô tô biển số 59N2-628.86. Sau đó, hồ sơ chuyển đến Cơ quan điều tra Công an Quận E điều tra xử lý theo thẩm quyền.

Theo Kết luận giám định số 63 ngày 30/12/2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Tinh thể không màu trong 01 gói được niêm phong bên ngoài có dấu vân tay ghi tên Trịnh Văn T, chữ ký ghi tên Trần Tấn H và hình dấu Công an phường O, Quận E gửi đến giám định có khối lượng 0,3638 gam (không phẩy ba sáu ba tám gam) là ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine.

Ngày 24/12/2019, Cơ quan điều tra Công an Quận E khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ngày 26/12/2019 bắt tạm giam đối với Trịnh Văn T và Trần Tấn H về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Ngày 11/02/2020, khởi tố bổ sung Trịnh Văn T về tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy".

Tại Cơ quan điều tra Công an Quận E, Trịnh Văn T và Trần Tấn H khai nhận: Tý và Hưởng có mối quan hệ quen biết nhau, khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 21/12/2019; Hưởng điều khiển xe mô tô biển số 59N2-628.86 đến phòng trọ không số, nhà số 396/15/2 Đường D, Phường O, Quận E (phòng trọ của Tý thuê ở) để chơi thì T rủ và H đồng ý hùn mỗi người 200.000 đồng mua ma túy về sử dụng chung. Sau khi H đưa tiền, T đón xe ôm của một người đàn ông đang chạy ngoài đường (không rõ lai lịch) đến khu vực Cầu Số 2, Phường O5, Quận E gặp và mua của người phụ nữ (không rõ lai lịch) 400.000 đồng ma túy. Có ma túy, T mang về phòng trọ của mình cùng H lấy ra 01 phần bỏ vào bình dụng cụ sử dụng ma túy (do T chuẩn bị trước). Khi cả hai đang sử dụng trái phép chất ma túy thì bị Công an Phường O, Quận E kiểm tra hành chính; T sợ bị bắt nên lấy gói ny lon chứa ma túy còn lại và bình sử dụng ma túy ném qua cửa sổ trên mái tôn thì bị lực lượng Công an phát hiện và thu giữ như trên. (Riêng bình nhựa để sử dụng chất ma túy không thu hồi được).

Tài liệu, đồ vật bị thu giữ:

- 01 gói niêm phong ghi vụ số 63/2020 Q8, bên ngoài có dấu vân tay ghi tên Trịnh Văn T, chữ ký ghi tên Trần Tấn H, Lê Công B, hình dấu Công an Phường O, Quận E và chữ ký của giám định viên Phan Tấn Q.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu xám, không gắn sim, số Imei: 354450060077814 và 01 điện thoại di động hiệu SamSung, màu xanh, có gắn sim số 0931741754, Số Imei: 359601/08/149447/0 (tạm giữ của Hưởng).

- 01 xe gắn máy, biển số 59N2-628.86, số máy: G3G4E070035, số khung: RLCUG0610FY062179; qua xác minh do ông Nguyễn Văn Nh đứng tên giấy đăng ký xe. Sau đó, ông Nh bán lại cho Trần Tấn H; nhưng không làm thủ tục sang tên. Ngày 21/12/2019, H dùng xe trên đến nhà T chơi, sau đó T rủ H hùn tiền mua ma túy sử dụng.

Đối với người phụ nữ bán ma túy cho T, do không rõ lai lịch; nên Cơ quan điều tra Công an Quận E không có căn cứ để xử lý.

Phòng trọ không số, nhà số 396/15/2 Đường D, Phường O, Quận E do ông Trần Văn H2 và bà Nguyễn Thị Hoàng Tr là chủ sở hữu và cho Trịnh Văn T thuê ở; đồng thời, không biết T dùng làm nơi tàng trữ và chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy; nên Cơ quan điều tra Công an Quận E không xử lý.

Bản cáo trạng số 49/CT-VKS ngày 10/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo: Trịnh Văn T, Trần Tấn H về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Ngoài ra, Viện kiểm sát nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh còn truy tố bị cáo Trịnh Văn T về tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy" theo Khoản 1 Điều 256 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 249, Khoản 1 Điều 256, điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và xử phạt:

1/ Bị cáo Trịnh Văn T mức án từ 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 09 tháng tù, về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù, về tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt tù của cả hai tội buộc bị cáo Trịnh Văn T phải chấp hành là từ 03 năm 03 tháng tù đến 04 năm 03 tháng tù.

- Áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 249, điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và xử phạt:

2/ Bị cáo Trần Tấn H mức án từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù, về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị xử lý vật chứng:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 gói niêm phong ghi vụ số 63/2020 Q8, bên ngoài có dấu vân tay ghi tên Trịnh Văn T, chữ ký ghi tên Trần Tấn H, Lê Công B, hình dấu Công an Phường O, Quận E và chữ ký của giám định viên Phan Tấn Q;

+ Trả lại cho bị cáo Trần Tấn H 01 xe gắn máy, biển số 59N2-628.86, số máy: G3G4E070035, số khung: RLCUG0610FY062179 cùng 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu xám, không gắn sim, số Imei: 354450060077814 và 01 điện thoại di động hiệu SamSung, màu xanh, có gắn sim số 0931741754, Số Imei: 359601/08/149447/0. (Do không liên quan hành vi phạm tội).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; của Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo: Trịnh Văn T, Trần Tấn H đã khai nhận toàn bộ hành vi cất giữ, cất giấu trái phép chất ma túy để sử dụng thì bị tổ công tác của Công an Phường O, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh kịp thời kiểm tra phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng vào khoảng 22 giờ 15 phút, ngày 21/12/2019, tại phòng trọ không số, nhà số 396/15/2 Đường D, Phường O, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Qua giám định chất ma túy thu giữ của các bị cáo là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,3638 gam (không phẩy ba sáu ba tám gam) loại Methamphetamine. Do đó, đã có đủ cơ sở để kết luận:

Các bị cáo: Trịnh Văn T, Trần Tấn H đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án "Tàng trữ trái phép chất ma túy": Đây là vụ án có đồng phạm, nhưng mang tính giản đơn, nhất thời, không có tính tổ chức. Bị cáo T giữ vai trò chính (là người rủ rê, hùn tiền và trực tiếp đi mua ma túy về sử dụng chung), bị cáo Hưởng giữ vai trò đồng phạm (là người cùng hùn tiền để mua ma túy về sử dụng chung). Do đó, Hội đồng xét xử cần cân nhắc vai trò đồng phạm cũng như tính chất, mức độ tham gia tội phạm của từng bị cáo theo quy định tại Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) khi quyết định hình phạt.

[4] Ngoài ra, bị cáo T đã lấy địa điểm nơi ở của mình để chứa chấp cho bị cáo khác trong vụ án (bị cáo H) làm nơi sử dụng trái phép chất ma túy; nên đã phạm vào tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 256 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Trong vụ án "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy" thì bị cáo T là người chịu toàn bộ trách nhiệm hình sự đối với hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

[5] Đồng thời, trong lần xét xử này, bị cáo Trịnh Văn T phải bị tổng hợp hình phạt theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về lỗi lầm đã gây ra; để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần về hình phạt theo quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) mà lẽ ra các bị cáo phải chịu.

[7] Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị cáo Trịnh Văn T và bị cáo Trần Tấn H là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, mức án mà Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của từng bị cáo; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về hình phạt bổ sung:

- Theo quy định tại Khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Nhưng xét thấy, các bị cáo phạm tội không nhằm mục đích thu lợi bất chính và có hoàn cảnh gia đình khó khăn, khó thi hành; nên không phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo (T và H).

- Theo quy định tại Khoản 3 Điều 256 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Nhưng xét thấy, bị cáo phạm tội không nhằm mục đích thu lợi bất chính và có hoàn cảnh gia đình khó khăn, khó thi hành; nên không phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T.

[9] Về vật chứng:

- 01 gói niêm phong ghi vụ số 63/2020 Q8, bên ngoài có dấu vân tay ghi tên Trịnh Văn T, chữ ký ghi tên Trần Tấn H, Lê Công B, hình dấu Công an Phường O, Quận E và chữ ký của giám định viên Phan Tấn Q; qua giám định, bên trong chứa chất ma túy độc hại, cấm tàng trữ, cấm lưu hành; nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 xe gắn máy, biển số 59N2-628.86, số máy: G3G4E070035, số khung: RLCUG0610FY062179 cùng 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu xám, không gắn sim, số Imei: 354450060077814 và 01 điện thoại di động hiệu SamSung, màu xanh, có gắn sim số 0931741754, số Imei: 359601/08/149447/0: Đây là tài sản cá nhân của bị cáo Hưởng và không có liên hành vi phạm tội, nên trả lại cho bị cáo Trần Tấn H.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[11] Đối với đối tượng đã bán ma túy cho bị cáo T, do không xác định được lai lịch; nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận E không có căn cứ để xử lý là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[12] Đối với chủ nhà (Phòng trọ không số, nhà số 396/15/2 Đường D, Phường O, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh) cho Trịnh Văn T thuê trọ; do không biết T dùng phòng thuê trọ làm nơi tàng trữ và chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy; nên Cơ quan điều Công an Quận E không xử lý là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm c Khoản 1 Điều 249, Khoản 1 Điều 256, điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 58, điểm a Khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: 1/ Bị cáo Trịnh Văn T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và 02 (Hai) năm tù về tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt tù chung của hai tội là 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 26/12/2019.

- Căn cứ vào điểm c Khoản 1 Điều 249, điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: 2/ Bị cáo Trần Tấn H 01 (Một) năm tù, về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính kể từ ngày 26/12/2019.

- Về hình phạt bổ sung: Không phạt bổ sung đối với các bị cáo: Trịnh Văn T, Trần Tấn H.

- Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

+ Tịch thu và tiêu hủy 01 (Một) gói niêm phong ghi vụ số 63/2020 Q8, bên ngoài có dấu vân tay ghi tên Trịnh Văn T, chữ ký ghi tên Trần Tấn H, Lê Công B, hình dấu Công an Phường O, Quận E và chữ ký của giám định viên Phan Tấn Q;

+ Trả lại cho bị cáo Trần Tấn H 01 (Một) xe gắn máy, biển số 59N2-628.86, số máy: G3G4E070035, số khung: RLCUG0610FY062179 cùng 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone, màu xám, không gắn sim, số Imei: 354450060077814 và 01 (Một) điện thoại di động hiệu SamSung, màu xanh, có gắn sim số 0931741754, số Imei: 359601/08/149447/0.

(Vật chứng theo phiếu nhập kho vật chứng số 23/PNK, lập ngày 04/02/2020 của Công an Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo: Trịnh Văn T, Trần Tấn H; mỗi bị cáo phải chịu số tiền là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình; trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Trọng Trúc

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- PC.53 CA TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- CQĐT CAQ.8;
- CQTHAHS Q.8; NTG CAQ.8;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.